

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 30 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh, với các nội dung như sau:

- Tổng nguồn vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 3.143.553 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 1, 2 đính kèm)

- Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án.

(Chi tiết theo Phụ lục 3, 4 đính kèm)

- Đối với danh mục các dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư (Phụ lục 3), đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

Lưu ý: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát phương án dự kiến nguồn lực để kịp thời kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung hoặc điều chỉnh (-) kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Đối với phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cần thận trọng, linh hoạt, chặt chẽ trong việc bố trí kế hoạch vốn để thực hiện các dự án, công trình; ưu tiên cho các công trình cấp bách, cần thiết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSNĐ, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố
- Báo Phú Yên; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu VP, HSKH.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An

Phụ lục 1

**NGUỒN BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nguồn vốn | Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 | Dự kiến bổ sung kế hoạch 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Ghi chú |
|----|---|--|--|--|
| | TỔNG SỐ | 4,140,825 | 3,143,553 | |
| | Nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án | 4,140,825 | 3,143,553 | Dự kiến bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất khoảng 76% tổng nguồn thu tiền sử dụng đất bổ sung |
| 1 | Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường Trần Hào - đường N7b), thành phố Tuy Hòa. | 504,825 | | Dự kiến sẽ tổ chức đấu giá một lần vào đầu năm 2024. Do đó, nguồn thu giai đoạn 2021-2025 tăng thêm 504.000 triệu đồng so với QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 |
| 2 | Dự án hạ tầng khung khu đô thị Bắc Trần Phú- Nguyễn Hữu Thọ | 650,000 | | |
| 3 | Dự án kè chống sạt lở bờ hữu sông Hà Yên kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Ngân Sơn đến cầu đường sắt | 650,000 | | |
| 4 | Đầu tư mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ QL1 đi Di tích cấp quốc gia Thành An Thổ, huyện Tuy An | 336,000 | | |
| 5 | Khu đất ký hiệu DL1 và 19 (thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu dọc hai bên đường Độc Lập Lê Duẩn, TP. Tuy Hòa | 2,000,000 | | |



Phụ lục 2

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số ...30../NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND Tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn | Kế hoạch 2021-2025 đã giao tại QĐ 1286/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021 | Dự kiến bổ sung kế hoạch 2021-2025 | Kế hoạch 2021-2025 sau bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|------------------------------------|--------------------------------|---------|
| | TỔNG SỐ | 16,697,805 | 3,143,553 | 19,841,358 | |
| 1 | Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước | 2,245,300 | | 2,245,300 | |
| 2 | Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | 13,842,005 | 3,143,553 | 16,985,558 | |
| 3 | Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết | 510,000 | | 510,000 | |
| 4 | Bội chi ngân sách địa phương | 100,500 | | 100,500 | |



Phụ lục 3

DANH MỤC VÀ MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH (TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT) CHƯA PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ (CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN, SẼ BỔ SUNG KHI ĐỦ ĐIỀU KIỆN)

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND Tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | TÊN DỰ ÁN | Tổng mức đầu tư/ TMĐT dự kiến | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã giao | | | Nhu cầu bổ sung trung hạn so với TMĐT | Dự kiến bổ sung trung hạn 2021-2025 ngân sách địa phương | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau bổ sung nguồn ngân sách địa phương | Chủ đầu tư/chủ chương trình | Ghi chú |
|------------|---|----------------------------------|--|------|------|---------------------------------------|--|---|-----------------------------|---|
| | | | Tổng số | NSTW | NSĐP | | | | | |
| | TỔNG SỐ | 3,193,553 | - | - | - | 3,143,553 | 3,143,553 | 3,143,553 | | |
| I | KHỐI TỈNH QUẢN LÝ | 2,923,553 | - | - | - | 2,873,553 | 2,873,553 | 2,873,553 | | |
| I.1 | Quốc phòng | 172,046 | - | - | - | 172,046 | 172,046 | 172,046 | | |
| - | <i>Khởi công mới</i> | 172,046 | - | - | - | 172,046 | 172,046 | 172,046 | | |
| 1 | Đường hầm Sứ Chi huy cơ bản huyện Tây Hòa | 40,271 | | | | 40,271 | 40,271 | 40,271 | Bộ CHQS tỉnh | |
| 2 | Xây dựng doanh trại, kho, khu vực neo đậu tàu thuyền cho Hải đội Dân quân thường trực | 116,875 | | | | 116,875 | 116,875 | 116,875 | Bộ CHQS tỉnh | |
| 3 | Xây dựng nhà ở lực lượng Dự bị động viên tại Thao trường tổng hợp Bộ Chi huy Quân sự tỉnh Phú Yên | 14,900 | | | | 14,900 | 14,900 | 14,900 | Bộ CHQS tỉnh | |
| I.2 | An ninh và trật tự, an toàn xã hội | 150,000 | | | | 150,000 | 150,000 | 150,000 | | |
| - | <i>Khởi công mới</i> | 150,000 | | | | 150,000 | 150,000 | 150,000 | | |
| 1 | Cơ sở làm việc Công an 3 phường: Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, Hòa Xuân Tây thuộc Công an thị xã Đông Hòa | 15,000 | | | | 15,000 | 15,000 | 15,000 | Công an tỉnh | |
| 2 | Xây dựng cơ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn tỉnh | 135,000 | | | | 135,000 | 135,000 | 135,000 | Công an tỉnh | Dự kiến giai đoạn 2021-2025 đầu tư trước một số trụ sở xã thật sự cấp thiết. Trong quá trình điều hành nếu nguồn lực đảm bảo sẽ bố trí đầu tư tiếp. |

| TT | TÊN DỰ ÁN | Tổng mức đầu tư/ TMĐT dự kiến | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã giao | | | Nhu cầu bổ sung trung hạn so với TMĐT | Dự kiến bổ sung trung hạn 2021-2025 ngân sách địa phương | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau bổ sung nguồn ngân sách địa phương | Chủ đầu tư/chủ chương trình | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------------|--|------|------|---------------------------------------|--|---|---------------------------------|---|
| | | | Tổng số | NSTW | NSDP | | | | | |
| I.3 | Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp | 230,907 | | | | 180,907 | 180,907 | 180,907 | | |
| - | <i>Khởi công mới</i> | 230,907 | | | | 180,907 | 180,907 | 180,907 | | |
| 1 | Dự án nâng cấp, sửa chữa Trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ | 42,754 | | | | 42,754 | 42,754 | 42,754 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| 2 | Dự án nâng cấp, sửa chữa Trường trung học cơ sở và Trường trung học phổ thông Võ Thị Sáu | 14,500 | | | | 14,500 | 14,500 | 14,500 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| 3 | Dự án nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học phổ thông Trần Phú | 27,124 | | | | 27,124 | 27,124 | 27,124 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| 4 | Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học phổ thông Lê Thành Phương | 46,529 | | | | 46,529 | 46,529 | 46,529 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| 5 | Dự án Trường trung học phổ thông Phan Đình Phùng, thị xã Sông Cầu | 100,000 | | | | 50,000 | 50,000 | 50,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| I.4 | Văn hóa, thông tin | 34,600 | | | | 34,600 | 34,600 | 34,600 | | |
| - | <i>Khởi công mới</i> | 34,600 | | | | 34,600 | 34,600 | 34,600 | | |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Gành Đá Đĩa | 20,000 | | | | 20,000 | 20,000 | 20,000 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thông báo số 130/TB-UBND ngày 13/6/2022 Kết luận của PCT UBND tỉnh-Đào Mỹ tại cuộc họp về dự án này |
| 2 | Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu khu di tích lịch sử tàu không số Vũng Rô | 14,600 | | | | 14,600 | 14,600 | 14,600 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phục vụ kỷ niệm 60 năm (28/11/2024) |
| I.5 | Các hoạt động kinh tế | 1,927,000 | | | | 1,927,000 | 1,927,000 | 1,927,000 | | |
| a | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | 650,000 | | | | 650,000 | 650,000 | 650,000 | | |
| - | <i>Khởi công mới</i> | 650,000 | | | | 650,000 | 650,000 | 650,000 | | |
| 1 | Dự án kè chống sạt lở bờ hữu sông Hà Yên kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Ngân sơn đến cầu đường sắt | 650,000 | | | | 650,000 | 650,000 | 650,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |

| TT | TÊN DỰ ÁN | Tổng mức đầu tư/ TMĐT dự kiến | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã giao | | | Nhu cầu bổ sung trung hạn so với TMĐT | Dự kiến bổ sung trung hạn 2021-2025 ngân sách địa phương | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau bổ sung nguồn ngân sách địa phương | Chủ đầu tư/chủ chương trình | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------------|--|------|------|---------------------------------------|--|---|-----------------------------|---|
| | | | Tổng số | NSTW | NSDP | | | | | |
| b | Giao thông | 277,000 | | | | 277,000 | 277,000 | 277,000 | | |
| - | Khởi công mới | 277,000 | | | | 277,000 | 277,000 | 277,000 | | |
| 1 | Đầu tư mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ QL1 đi Di tích cấp quốc gia Thành An Thồ, huyện Tuy An | 277,000 | | | | 277,000 | 277,000 | 277,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | Kỷ niệm 120 ngày sinh Trần Phú (ngày 01/5/2024) |
| c | Công trình công cộng tại các đô thị | 1,000,000 | - | - | - | 1,000,000 | 1,000,000 | 1,000,000 | | |
| - | Khởi công mới | 1,000,000 | - | - | - | 1,000,000 | 1,000,000 | 1,000,000 | | |
| 1 | Khu đất ký hiệu DL1 và 19 (thuộc Đồ án QH phân khu dọc hai bên đường Độc Lập Lê Duẩn, TP.Tuy Hòa | 350,000 | | | | 350,000 | 350,000 | 350,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | Dự kiến đưa vào kế hoạch thu bổ sung, bố trí kinh phí để đầu tư hạ tầng khung để tổ chức đấu giá |
| 2 | Dự án hạ tầng khung khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ | 650,000 | | | | 650,000 | 650,000 | 650,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| I.6 | Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội | 34,000 | 0 | 0 | 0 | 34,000 | 34,000 | 34,000 | | |
| - | Khởi công mới | 34,000 | 0 | 0 | 0 | 34,000 | 34,000 | 34,000 | | |
| 1 | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh | 34,000 | | | | 34,000 | 34,000 | 34,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| I.7 | Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật | 375,000 | - | - | - | 375,000 | 375,000 | 375,000 | | |
| 1 | Đối ứng thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia | 100,000 | | | | 100,000 | 100,000 | 100,000 | | Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao vốn TỰ GIẢI ĐOẠN 2021-2025 cho 3 chương trình MTQG |

| TT | TÊN DỰ ÁN | Tổng mức đầu tư/ TMĐT dự kiến | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã giao | | | Nhu cầu bổ sung trung hạn so với TMĐT | Dự kiến bổ sung trung hạn 2021-2025 ngân sách địa phương | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau bổ sung nguồn ngân sách địa phương | Chủ đầu tư/chủ chương trình | Ghi chú |
|----|--|----------------------------------|--|------|------|---------------------------------------|--|---|-----------------------------------|---|
| | | | Tổng số | NSTW | NSĐP | | | | | |
| 2 | Đối ứng các dự án ODA | 275,000 | | | | 275,000 | 275,000 | 275,000 | | Đối ứng 02 dự án Dự án KfW9 (giai đoạn 1) và Dự án Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Phú Yên |
| II | KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ | 270,000 | | | | 270,000 | 270,000 | 270,000 | | |
| 1 | Hỗ trợ các địa phương thực hiện các mục tiêu theo Chương trình hành động, Nghị quyết của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, UBND tỉnh khoảng 270 tỷ | 270,000 | | | | 270,000 | 270,000 | 270,000 | UBND các huyện, thị xã, thành phố | |

Phụ lục 4

BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số ...30/NQ- HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Thời gian KC-HT | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | | Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao tại QĐ 1286/QĐ-UBND | Danh mục bổ sung KH 2021-2025 nguồn dự phòng | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau bổ sung | Chủ đầu tư/chủ chương trình | Ghi chú | |
|------------|---|-----------------|---|--------------------------------|--|--|--|-----------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | | | | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | | | | | Trong đó: NSĐP (NS tỉnh) |
| | TỔNG SỐ | | | | | | | | | |
| | KHỐI TÌNH QUẢN LÝ | | | | | | | | | |
| I | Xã hội | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án Cải tạo sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ | 2021-2024 | Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 11/8/2021; số 18/NQ-HĐND ngày 22/6/2022 | 75,032 | 55,032 | 45,000 | 10,032 | 55,032 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| II | Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, khu vực thôn Phú Sen, huyện Phú Hòa và khu vực phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | 2022-2023 | Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/6/2022 | 245,000 | 65,000 | 0 | 65,000 | 65,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| 2 | Dự án Hồ chứa nước Xuân Bình và hồ chứa nước Suối Vực | 2022-2023 | Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 22/6/2022 | 60,000 | 10,000 | 0 | 10,000 | 10,000 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |
| III | Y tế, dân số và gia đình | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ | | | 28,567 | 28,567 | 18,000 | 10,567 | 28,567 | BQL các dự án ĐTXD tỉnh | |